|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Lộc Thạnh**  **Tổ: Tự nhiên** | Họ và tên giáo viên: Lê Thị Bảo Phụng |

**Tuần: 31 Ngày soạn: 2/04/2023**

**Tiết: 113 Ngày dạy: 5/04/2023**

**TÊN BÀI DẠY : ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 9**

Môn :Khtn 6

Thời lượng:1 tiết

**I.MỤC TIÊU**

**1.Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập;

- Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

**2.Năng lực khoa học tự nhiên**

- Hệ thống hoá được kiến thức về lực.

**3.Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, có giải pháp phù hợp ứng dụng trong thực tế;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, kế hoạch bài dạy, SGK, phiếu học tập phần vận dụng cho các nhóm.

**2. Học sinh:** SGK

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( Hệ thống hóa kiến thức)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS có cái nhìn khái quát về những nội dung đã học trong Chủ đề 9

**b) Nội dung:**GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về lực

**c)****Sản phẩm:** HS kể tên được các bài học trong chủ đề 9.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

GV yêu cầu HS nêu tên các bài học trong chủ đề 9

GV hướng dẫn HS tham gia một số trò chơi do GV thiết kế có tính tổng hợp như *Ai là triệu phú?, Chiếc nón kì diệu, Em là nhà báo?, ...* hoặc thi thiết kế áp phích nhanh về chủ đề *Hiểu biết của em về cơ thể sinh vật*

\****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS nhớ lại nội dung trong trong chủ đề 9

***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS trả lời câu hỏi

***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

GV chốt đáp án.

**Tác dụng**

**Đo lực**

Lực kế

**Phân loại**

**Đơn vị đo**

niutơn (N)

**Lực tiếp xúc**

* Lực ma sát
* Lực cản của không khí

**Lực không tiếp xúc**

Lực hấp dẫn

**Biến dạng vật**

**Thay đổi hướng, tốc độ chuyển động của vật**

***LỰC***

**Biểu diễn lực**

Bằng mũi tên

**2.Hoạt động hình thành kiến thức mới (không)**

**3. HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học trong chủ đề 1 để Luyện tập củng cố kiến thức

**b) Nội dung:**Các câu hỏi ôn tập. GV sử dụng phương pháp dạy học bài tập, định hướng cho HS giải quyết một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề

**c)****Sản phẩm:** Câu trả lời của các nhóm học sinh.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập:*** GV gợi ý, định hướng, tổ chức cho HS hoạt động nhóm hoặc động não cá nhân để làm bài tập vận dụng của chủ đề, đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên

**Một số bài tập gợi ý:**

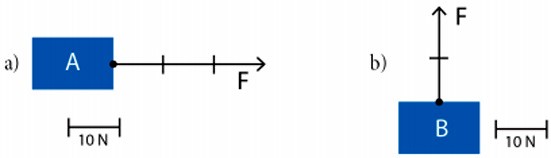
1.Trên vỏ một hộp sữa có ghi 450 g. Số ghi đó cho biết điều gì?

A. Khối lượng của hộp sữa. B. Trọng lượng của sữa trong hộp.

C. Trọng lượng của hộp sữa. D. Khối lượng của sữa trong hộp.

2.Một vật có khối lượng 100 g sẽ có trọng lượng bao nhiêu?

A. 100 N. B. 1 N. C. 10 N. D. 0,1 N.

3.Diễn tả bằng lời các yếu tố của các lực được vẽ ở hình dưới đây:

4.Bạn An đá vào quả bóng đang nằm yên trên mặt đất. Điều gì sẽ xảy ra ngay sau đó?

A.Quả bóng chỉ biến đổi chuyển động.

B.Quả bóng chỉ biến dạng.

C.Quả bóng vừa biến đổi chuyển động vừa biến dạng.

D.Quả bóng vẫn đứng yên.

5.Hãy giải thích các hiện tượng sau:

a.Ô tô đi vào bùn dễ bị sa lầy.

b.Khi đi trên sàn nhà đá hoa mới lau dễ bị ngã.

**Hướng dẫn giải:**

1.Đáp án D.

2.Đáp án B.

3.a) Lực F tác dụng lên vật A có hướng nằm ngang từ trái sang phải và có độ lớn 30 N.

b) Lực F tác dụng lên vật B có hướng thẳng đứng từ dưới lên và có độ lớn 20 N.

4.Đáp án C.

5.a) Ô tô đi trên bùn dễ bị sa lầy vì lực ma sát giữa bánh xe và mặt đường dính bùn nhỏ, làm cho bánh xe không bám vào mặt đường được. Trường hợp này lực ma sát có lợi vì nhờ có nó mà xe mới di chuyển được và không bị sa lầy.

b) Khi ta đi trên sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã vì khi đó lực ma sát giữa chân ta và sàn nhà bị giảm do có nước dính trên sàn nhà. Trường hợp này ma sát có lợi vì nó giúp ta đi lại không bị trơn và tránh bị ngã.

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Lộc Thạnh**  **Tổ: Tự nhiên** | Họ và tên giáo viên: Lê Thị Bảo Phụng |

**Tuần: 31 Ngày soạn: 2/04/2023**

**Tiết: 114 Ngày dạy: 5/04/2023**

**TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP GIỮA KÌ 2**

**Môn: KHTN**

**Thời gian thực hiện : 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực khoa học tự nhiên*:***

- Hệ thống hóa những kiến thức về KHTN: Nguyên sinh vật, nấm, thực vật, động vật, đa dạng sinh học; lực và biểu diễn lực, tác dụng của lực, lực hấp dẫn và trọng lượng, lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc, biến dạng của lò xo,…

**2. Năng lực chung*:***

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: ôn tập rèn luyện những kiến thức đã học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

* Máy tính
* Bài giảng điện tử, phiếu học tập
* Bài tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU:** GV giới thiệu nhiệm vụ tiết ôn tập

**a. Mục tiêu:** HS biết nhiệm vụ

**b. Nội dung:** HS nghe GV giới thiệu.

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giao nhiệm vụ học tập :** GV giới thiệu nhiệm vụ ôn tập thông qua các sơ đồ tư duy đã giao về nhà cho HS thực hiện.

**- Thực hiện nhiệm vụ học tập :** HS nghe, chuẩn bị trình bày nội dung các sơ đồ tư duy .

**- Báo cáo và thảo luận:** HS nộp sản phẩm qua zalo cá nhân GV.

**- Đánh giá, kết luận, định hướng:** GV nhận xét chung chất lượng các sản phẩm HS nộp.

**Hoạt động 2: Ôn tập phần đa dạng thế giới sống (từ bài nấm) và lực**

**a. Mục tiêu:** Củng cố một số kiến thức về Khoa học tự nhiên và các phép đo.

**b. Nội dung:** HS thiết kế sơ đồ tư duy.

**c. Sản phẩm:**

**1.Đa dạng thế giới sống:**

Nấm

Đặc điểm

Đại diện

Tế bào nhân thực, có thành tế bào, không có lục lạp

Bệnh do nấm

Ở người: nấm lưỡi, lang ben, hắc lào…..

Ở động vật: nắm da, nấm mốc trên cá

Ở thực vật: nấm mốc ngô, nấm phấn trắng trên đậu

Nấm men, nấm mốc, nấm rơm,…

Thực vật

Đặc điểm

Đại diện

Cơ thể đa bào, có lục lạp

Sống tự dưỡng

Phản ứng chậm với kích thích

Vai trò

Cung cấp thức ăn, nơi ở cho sinh vật khác; điều hòa không khí, giữ đất, giữ nước, bảo vệ môi trường, cung cấp lương thực, thực phẩm, dược liệu, làm cảnh, lấy gỗ

Tác hại: một số thực vạt có chứa chất gây nghiện, chất độc có ảnh hưởng đến sức khỏe con người

Rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín

Động vật

Đặc điểm

Đại diện

Cơ thể đa bào, phân hóa thành mô, cơ quan, hệ cơ quan

Có khả năng di chuyển, sống dị dưỡng

Phản ứng nhanh và thích ứng nhanh với môi trường

Tác hại

Giun sán kí sinh gây bệnh cho người, động vật và thực vật, một số động vật là vật trung gian truyền bệnh ( chuột, trâu, bò, ruồi, muỗi)

Phá hủy các công trình xây dựng ( mối, mọt, hà)

Nhiều loài động vật phá hoại cây trồng, hoa màu, ảnh hưởng kinh tế địa phương ( ốc bươu vàng, châu chấu, rận cá)

Động vật không có xương sống, động vật có xương sống

Khái niệm

Vai trò

Sự suy giảm

Biện pháp bảo vệ

Đa dạng về số loài

Đa dạng về số lượng cá thể trong bài

Đa dạng về môi trường sống

Trong tự nhiên

Làm cảnh

Trong thực tiễn

Tạo nên cân bằng sinh thái

Bảo vệ môi trường

Cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm

Cung cấp nguồn nguyên liệu,

Tạo nên giá trị bảo tồn, pục vụ nghiên cứu và du lịch

Nguyên nhân

Hậu quả

Chặt phá rừng, khai thái gỗ

Săn bắn, buôn bán động vật hoang dã, thực vật quý hiếm

Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh

Diện tích rừng bị thu hẹp làm mất tính đa dạng của thực vật và nơi sống của các loài sinh vật

Làm cạn kiệt nguồn tài nguyên sinh vật

Ảnh hưởng đến sự sống của các loài động vật thực vật

Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên

Ngăn chặn nạn chặt phá rừng

Cấm buôn bán, sử dụng động vật hoang dã, thực vật quý hiếm

Bảo vệ môi trường

**2.Lực:**

**Tác dụng**

**Đo lực**

Lực kế

**Phân loại**

**Đơn vị đo**

niutơn (N)

**Lực tiếp xúc**

* Lực ma sát
* Lực cản của không khí

**Lực không tiếp xúc**

Lực hấp dẫn

**Biến dạng vật**

**Thay đổi hướng, tốc độ chuyển động của vật**

***LỰC***

**Biểu diễn lực**

Bằng mũi tên

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giao nhiệm vụ học tập :** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS thuộc tổ 1 thực hiện cá nhân, thiết kế sơ đồ tư duy kiến thức về phần mở đầu và chủ đề 1.

**- Thực hiện nhiệm vụ học tập :** HS tổ 1 làm việc cá nhân ở nhà, nếu cần hỗ trợ thì liên hệ qua zalo riêng của GV.

**- Báo cáo và thảo luận:** HS xung phong được mời trình bày sơ đồ tư duy và nội dung kiến thức thể hiện trong sơ đồ. GV trình chiếu bài của HS đã nộp qua zalo riêng. HS khác nhận xét. GV nhận xét, bổ sung nếu cần.

**- Đánh giá, kết luận, định hướng** :

GV nhận xét, bổ sung nếu cần. Tuyên dương HS có sản phẩm tốt.

**3. LUYỆN TẬP 3 làm bài tập**

**a. Mục tiêu:** Giải quyết một số bài tập liên quan đến các chủ đề đã học.

**b. Nội dung:**  Học sinh làm bài tập trắc nghiệm hình thức cá nhân:

**Câu 1:** Nhóm thực vật nào dưới đây có đặc điểm có mạch, không noãn, không hoa?

A. Rêu                  B. Dương xỉ                    C. Hạt kín             D. Hạt trần

**Câu 2:** Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có độ đa dạng thấp nhất?

A. Hoang mạc                C. Thảo nguyên B. Rừng ôn đới              D. Thái Bình Dương

**Câu 3:** Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.

C. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.

D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

**Câu 4:** Loại nấm nào dưới đây được sử dụng để sản xuất rượu vang?

A. Nấm hương                C. Nấm cốc B. Nấm men                   D. Nấm mốc

**Câu 5:** Khi trồng nấm rơm, người ta thường chọn vị trí có điều kiện như thế nào?

A. Nơi quang đãng, có ánh sáng mạnh

B. Nơi ẩm ướt, không cần ánh ánh

C. Nơi khô ráo, có ánh sáng trực tiếp

D. Nơi thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp

Câu 6 : Loại nấm nào được sử dụng để sản xuất penicillin?

A. Nấm men                    B. Nấm mốc          C. Nấm cốc         D. Nấm sò

**Câu 7:** Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành Thực vật?

A. Rêu tường         C. Tảo lục    B. Dương xỉ           D. Rong đuôi chó

**Câu 8:** Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

A. Bào tử              B. Nón                  C. Hoa                  D. Rễ

**Câu 9:** Rêu thường sống ở?

1. Môi trường nước  B. Nơi ẩm ướt C. Nơi khô hạn D. Môi trường không khí

**Câu 10:** Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

A. Du canh du cư                               C. Trồng cây gây rừng

B. Phá rừng làm nương rẫy                 D. Xây dựng các nhà máy thủy điện

**Câu 11:** Loại thực vật nào dưới đây có chứa chất độc gây hại đến sức khỏe của con người?

A. Cây trúc đào    C. Cây tam thất B. Cây gọng vó    D. Cây giảo cổ lam

**Câu 12:** Nhóm động vật nào dưới đây không thuộc ngành động vật có xương sống?

A. Bò sát              B. Lưỡng cư                   C. Chân khớp                D. Thú

**Câu 13:** Động vật không xương sống bao gồm?

A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú

B. Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp

C. Bò sát, lưỡng cư, chân khớp, ruột khoang

D. Thú, chim, ruột khoang, cá, giun

**Câu 14:** Ngành động vật nào dưới đây có số lượng lớn nhất trong giới động vật?

A. Ruột khoang              C. Lưỡng cư B. Chân khớp                 D. Bò sát

**Câu 15:** Nhóm ngành nào của giới động vật có tổ chức cơ thể cao nhất?

A. Thú                  B. Chim                C. Bò sát               D. Cá

**Câu 16:** Loài động vật nào chuyên đục ruỗng các đồ dùng bằng gỗ trong gia đình?

A. Mối                  B. Rận                  C. Ốc sên              D. Bọ chét

**Câu 17:** Loài động vật nào dưới đây thuộc lớp Thú?

A. Cá mập            B. Cá heo              C. Cá chim            D. Cá chuồn

**Câu 18:** Rừng tự nhiên không có vai trò nào sau đây?

A. Điều hòa khí hậu

B. Cung cấp đất phi nông nghiệp

C. Bảo vệ đất và nước trong tự nhiên

D. Là nơi ở của các loài động vật hoang dã

**Câu 19:** Gấu trắng là đại diện của sinh cảnh nào?

A. Sa mạc         C. Rừng nhiệt đới B. Đài nguyên        D. Vùng Bắc Cực

**Câu 20:** Hành động nào dưới đây là hành động bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Khai thác tối đa nguồn lợi từ rừng

B. Đánh bắt cá bằng lưới có mắt với kích thước nhỏ

C. Săn bắt động vật quý hiếm

D. Bảo tồn động vật hoang dã

**Câu 21:**Lực hút của trái đất có:

1. Phương nằm ngang, chiều từ trên xuống.
2. Phương nằm ngang, chiều từ dưới lên.
3. Phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống.
4. Phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên.

**Câu 22:** Một hộp khẩu trang có trọng lượng 0,15N. Khối lượng của hộp khẩu trang đó là:

A. 0,015kg B. 0,15kg C. 1,5kg D. 15kg.

**Câu 23**: Lực xuất hiện trong trường hợp nào sau đây **không phải** là lực ma sát?

1. Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên mặt đường.
2. Lực xuất hiện khi lốp xe đạp lăn trên mặt đường.

C.Lực làm cho quả bưởi rơi từ trên cây xuống.

D.Lực xuất hiện khi đẩy tủ đồ nhưng tủ đồ không chuyển động.

**Câu 24**: Trong các trường hợp dưới đây trường hợp nào ma sát có ích?

A. Ma sát làm mòn lốp xe

**B. Ma sát làm ô tô qua được chỗ lầy.**

C. Ma sát sinh ra giữa trục xe và bánh xe

D. Ma sát sinh ra khi vật trượt trên mặt sàn.

**Câu 25:**Lực tác dụng vào vật gây ra cho vật:

A. có thể thay đổi tốc độ

B. có thể bị biến dạng

C. có thể vừa thay đổi tốc độ vừa bị biến dạng

D. cả ba tác dụng trên

**c. Sản phẩm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1.B*** | ***2.A*** | ***3.D*** | ***4.B*** | ***5.D*** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***6.B*** | ***7.C*** | ***8.B*** | ***9.B*** | ***10.C*** | ***11.A*** | | ***12.C*** | | ***13.C*** | | ***14.B*** | | ***15.A*** | |
| ***16.A*** | ***17.A*** | ***18.B*** | ***19.D*** | ***20.D*** | ***21.C*** | ***22.A*** | | ***23.C*** | | ***24.B*** | | ***25.D*** | |

**d. Tổ chức hoạt động:**

**-Giao nhiệm vụ học tập:** GV lần lượt trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm, yêu cầu HS suy nghĩ chọn ý đúng viết vào vở.

**- Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS suy nghĩ chọn ý đúng viết vào vở. GV hỗ trợ một số HS chậm , còn yếu.

**- Báo cáo, thảo luận:** GV mời mỗi HS chọn câu trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Kết luận:** GV nhận xét, tuyên dương HS có đáp án chính xác.

**D. VẬN DỤNG :** Không

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Lộc Thạnh**  **Tổ: Tự nhiên** | Họ và tên giáo viên: Lê Thị Bảo Phụng |

**Tuần: 31 Ngày soạn: 2/04/2023**

**Tiết: 115, 116 Ngày dạy: 13,14/04/2023**

**TÊN BÀI DẠY**

**KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I/ MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức.**

-Đánh giá việc tiếp thu kiến thức cơ bản của học sinh từ tiết 73 đến tiết 116

**2 Kĩ năng**.

-Hs có kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra .

**3.Thái độ.**

-Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thái độ trung thực của hs.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Giáo viên:**

- Đề kiểm tra: hình thức đề kiểm tra kết hợp TNKQ và Tự luận (50% TNKQ, 50% TL)

**2.Học sinh:**

- Chuẩn bị kiến thức để làm bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì II (Từ bài 19 đến bài 40 )*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

**+ 45*% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 25% Vận dụng;***

**+ Phần trắc nghiệm: 5 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 8 câu, vận dụng: 2 câu mỗi câu 0,25 điểm)***

**- Phần tự luận: 5,0 điểm *(gồm 5 câu : Nhận biết:2 câu ( 2,0 điểm); Thông hiểu: 1 câu( 1,0 điểm); Vận dụng: 2 câu (2,0 điểm)***

1. **MA TRẬN**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Nguyên sinh vật* |  |  |  | 1 (0,25) |  |  |  |  |  | *1* | 0,25 |
| *2. Nấm* |  | 2(0,5) |  | 1 (0,25) |  |  |  |  |  | 3 | 0,75 |
| *3. Thực vật* |  | 2(0,5) | 1(1) | 2(0,5) |  |  |  |  | 1 | 4 | 2,00 |
| *4. Động vật* | 1 (1) | 2(0,5) |  | 2(0,5) |  |  |  |  | 1 | 4 | 2,00 |
| *5. Đa dạng sinh học* |  |  |  |  | 1(1) |  |  |  | 1 |  | 1,00 |
| *6.* Lực và tác dụng của lực | 1(1) | **2(0,5)** |  |  | 1(1) |  |  |  | 2 | 2 | 2,5 |
| *7. Lực hấp dẫn và trọng lượng* |  | **1(0,25** |  |  |  | 1(0,25) |  |  |  | 2 | 0,5 |
| *8.Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc* |  |  |  | **1(0,25)** |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| *8. Biến dạng của lò xo. Phép đo lực* |  | **1(0,25)** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| *9.Lực ma sát* |  |  |  | **1(0,25)** |  | **1(0,25)** |  |  |  | 2 | 0,5 |
| **Số câu** | **2** | **10** | **1** | **8** | **2** | **2** |  |  | 5 | **20** | 25 |
| **Điểm số** | **2** | **2,5** | **1** | **2** | **2** | **0,5** |  |  | **5** | **5** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,5 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,5 điểm** | |  | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT.**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TL**  **Số câu (ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL** | **TN** |
|  |  | ***Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (25 tiết)*** | 3 | 12 |  |  |
| **Nguyên sinh vật** | **Nhận biết** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).  - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.  - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  | 1 |  | C4 |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| **Đặc điểm của nấm:**  - Sự đa dạng của nấm.  - Vai trò của nấm.  - Một số bệnh do nấm gây ra. | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.  - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.  - Nêu được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  | 2 |  | C1,C2 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).   * Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  | 1 |  | C3 |
| **Vận dụng** | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| **Đa dạng thực vật:**  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | 2 |  | C5,C6 |
| **Thông hiểu** | * Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | 1 | 2 | C21 | C7, C8 |
| **Vận dụng** | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| **Đa dạng động vật :**  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. | 1 | 2 | C22 | C9,C10 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | 2 |  | C11, C12 |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.** | **Nhận biết** | – Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...). |  |  |  |  |
| **Bảo vệ đa dạng sinh học** | **Vận dụng** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. | 1 |  | C23 |  |
| **9. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.** | **Vận dụng cao** | * Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. * Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). * Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. * Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. * Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).   Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| ***Chủ đề 9: Lực (10 tiết)*** | | | | | | |
| – Lực và tác dụng của lực | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.  - Nêu được đơn vị lực đo lực.  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. | 1 | 2 | C24 | C14,C18 |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.  - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. | 1 |  | C25 |  |
| – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.  - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.  - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.  – Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  | 1 |  | C16 |
| – Lực ma sát | **Nhận biết** | - Kể tên được ba loại lực ma sát.  - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ.  - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn.  - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt.  - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.  - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.  - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn.  - Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường. |  | 1 |  | C19 |
| **Vận dụng** | - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế.  **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.  - Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó. |  | 1 |  | C17 |
| -Lực hấp dẫn và trọng lượng | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm về khối lượng.  - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn.  - Nêu được khái niệm trọng lượng. |  | 1 |  | C20 |
| **Thông hiểu** | - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường.  - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | -Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại |  | 1 |  | C13 |
| – Biến dạng của lò xo. Phép đo lực | **Nhận biết** | - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.  - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.  - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.  - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. |  | 1 |  | C15 |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.  - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật. |  |  |  |  |
| **TỔNG SỐ CÂU** | | |  |  |  |  |

**3. Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

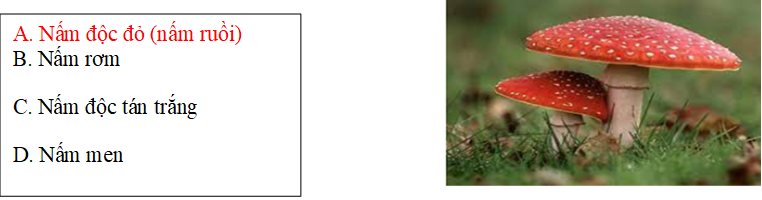
**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

Thời gian làm bài 90 phút

**A. TRẮC NGIỆM: 5,0 điểm**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1.** **Quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết tên loại nấm này là gì?**



**Câu 2.** **Bệnh nào sau đây do nấm gây ra?**

A. Covid- 19. B. Lang ben . C. Ebola. D. Tiêu chảy

**Câu 3.** **Con đường nào dưới đây không phải là con đường lây truyền các bệnh do nấm?**

A. Vệ sinh cá nhân chưa đúng cách B. Tiếp xúc trực tiếp với mầm bệnh

C. Truyền dọc từ mẹ sang con  D. Ô nhiễm môi trường

**Câu 4.** **Vì sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống và rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng?**

A. Để thực phẩm được ngon miệng hơn

B. Để làm sạch dư lượng thuốc bảo vệ thực vật có trong các loại thực phẩm

C. Để ngăn ngừa nhiễm bệnh từ nguyên sinh vật gây ra.

D. Để thực phẩm nhìn đẹp mắt hơn

**Câu 5.** **Quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết tên nhóm thực vật này là gì?**



1. Rêu
2. Dương xỉ
3. Hạt trần
4. Hạt kín

**Câu 6.** Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

A. Bào tử              B. Nón                  C. Hoa                  D. Rễ

**Câu 7.** Cho các vai trò sau:

(1) Cung cấp thức ăn, nơi ở cho một số loài động vật.

(2) Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

(3) Cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho các ngành sản xuất..

(4) Cân bằng hàm lượng oxygen và carbon dioxide trong không khí.

(5) Làm cảnh.

(6) Chứa độc tố gây hại cho sức khỏe con người.

Đâu là những vai trò của thực vật trong đời sống?

A. (1), (3), (5).                  C. (2), (3), (5).

B. (2), (4), (6).                D. (1), (4), (6).

**Câu 8.** Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

A. Du canh du cư.                                C. Trồng cây gây rừng.

B. Phá rừng làm nương rẫy.                  D. Xây dựng các nhà máy thủy điện.

**Câu 9.** **Nhóm động vật nào sau đây thích nghi với đời sống hoàn toàn ở nước?**

A. Nhóm Thú. B. Nhóm Lưỡng cư.

C. Nhóm Giun. D. Nhóm Cá .

**Câu 10.** Loài động vật nào dưới đây thuộc lớp Thú?

A. Cá mập.             B. Cá heo.              C. Cá chim.            D. Cá chuồn.

**Câu 11. Động vật có xương sống bao gồm các nhóm:**

A. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú. B. Cá, Chân khớp, Bò sát, Chim, Thú.

C. Cá, Lưỡng cư, Bỏ sát, Ruột khoang, Thú. D. Thân mềm, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

**Câu 12: Có thể đựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt nhóm Động vật không xương sống và Động vật có xương sống?**

A. Bộ xương ngoài. B. Lớp vỏ. C. Xương cột sống D. Vỏ calium.

**Câu 13. Một xe máy có trọng lượng là 350N thì khối lượng là bao nhiêu?**

A. 35kg B. 35g C. 350g D. 3500g

**Câu 14.** Đơn vị của lực là

**A.** niutơn. **B.** mét. **C.** giờ. **D.** gam.

**Câu 15:** Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?

1. Lực kế là dụng cụ để đo khối lượng
2. Lực kế là dụng cụ đo trọng lượng
3. Lực kế là dụng cụ để đo cả trọng lượng và khối lượng
4. Lực kế là dụng cụ để đo lực

**Câu 16: Lực nào sau đây là lực không tiếp xúc?**

A. Lực mà bạn An tác dụng vào ghế để đẩy ghế đi.

B. Lực của gió tác dụng lên cánh buồm.

C. Lực Trái Đất tác dụng vào mọi vật.

D. Lực của mặt vợt tác dụng vào quả bóng.

**Câu 17:**Tại sao trên lốp ôtô, xe máy, xe đạp người ta phải xẻ rãnh?

A. Để trang trí cho bánh xe đẹp hơn

B. Để giảm diện tích tiếp xúc với mặt đất, giúp xe đi nhanh hơn

**C. Để làm tăng ma sát giúp xe không bị trơn trượt**

D. Để tiết kiệm vật liệu

**Câu 18:** Hoạt động nào dưới đây không cần dùng đến lực?

A. Đọc trang sách B. Kéo một gàu nước.

C. Nâng một tấm gỗ D. Đẩy một chiếc xe

**Câu 19**: **Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực ma sát trượt?**

A. Lực sĩ đang nâng quả tạ từ thấp lên cao. B.Viên bi lăn trên mặt đất.

C. Quyển sách nằm yên trên mặt bàn nằm ngang. D. Khi viết phấn trên bảng.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Trọng lượng của vật là lực hút của trái đất tác dụng lên vật

B. Trọng lượng của một vật có đơn vị là kg

C. Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của trái đất tác dụng lên vật

D. Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích của vật

**B. TƯ LUẬN: 5,0 điểm**

Câu 21: Em hãy trình bày vai trò của thực vật đối với tự nhiên và đời sống con người? (1 đ)

Câu 22: Em hãy nêu một số tác hại của động vật trong vườn, trong nhà em. (1 đ)

Câu 23: Em hãy giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.(1đ)

**Câu 24: (1đ)** Hãy cho 1 ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi chuyển động của vật và 1 ví dụ về tác dụng của lực làm cho vật bị biến dạng?

**Câu 25:** (1đ)Hãy vẽ mũi tên biểu diễn lực trong các trường hợp sau đây theo tỉ xích 1 cm ứng với 5N.

1. Đẩy thùng hàng từ trái sang phải với lực 20N theo phương ngang.

b)Trọng lực tác dụng lên quả nặng 2kg.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **TRẮC NGHIỆM:** *Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1A | 2B | 3C | 4C | 5A | 6B | 7D | 8C | 9D | 10B |
| 11A | 12C | 13A | 14A | 15D | 16C | 17C | 18A | 19D | 20C |

**II. TỰ LUẬN:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 21(1đ) | + Trong tự nhiên, thực vật là thức ăn của nhiều loài sinh vật khác.  Thực vật cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật, ... Thực vật góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hoà khí hậu, chống xói mòn đất.  + Trong đời sống con người : Thực vật có vai trò quan trọng trong thực tiễn như cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, làm cảnh, ... | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 22(1đ) | + Kí sinh gây bệnh ở người, gà (giun, sán,...)  + Phá hoại mùa màng lương thực, thực phẩm; gây bệnh cho vật nuôi, (ốc bươu vàng, rận cá,...)  + Làm hư hỏng đồ dùng, hư hỏng thức ăn của con người.  + Phá hoại công trình xây dựng của con người (con hà, mối,...) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 23(1đ) | Bảo vệ đa dạng sinh học bởi vì:  + Tạo sự cân bằng sinh thái trong tự nhiên, giảm nguy cơ tuyệt chủng các giống loài sinh vật. + Giữ gìn nguồn tài nguyên cung ứng cho đời sống con người, đảm bảo các lợi ích nông nghiệp, y học,..., đảm bảo lợi ích vật chất kinh tế và các giá trị tinh thần vô hình.  + Điều tiết và bảo vệ môi trường. + Góp phần bảo vệ đất, nguồn nước, phòng chống lũ lụt, hạn hán, xói mòn đất | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 24(1đ) | Hs nêu ví dụ | Hs nêu đúng mỗi ví dụ đạt 0,5đ |
| 25(1đ) | a. 5N F  b.m=2 Kg-> p=20N  5N      p | 0,5 đ  0,5 đ |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/